

NGHỊ QUYẾT**HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVI
về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về *một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* và Công văn số 16-CV/BCSD, ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông về *việc xây dựng nghị quyết về chuyển đổi số*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI ban hành Nghị quyết về *chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, cụ thể như sau:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Những năm qua, việc đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện nên có bước phát triển và đáp ứng cơ bản yêu cầu thông tin, liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Nhiều ứng dụng công nghệ thông tin được xây dựng, triển khai phát huy hiệu quả tích cực, như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành có tích hợp chữ ký số được kết nối liên thông văn bản điện tử 4 cấp (Trung ương - Tỉnh - Huyện - Xã); Hệ thống một cửa điện tử triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã; Cổng dịch vụ công của tỉnh tích hợp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến để phục vụ công dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua mạng, tích hợp lên cổng dịch vụ công quốc gia; 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện xây dựng cổng/trang thông tin điện tử; Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được đầu tư xây dựng đúng chuẩn; 100% các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được trang bị thiết bị tường lửa tích hợp khả năng chống xâm nhập, phần mềm chống virus; mạng diện rộng (WAN) hoạt động thông suốt bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; hệ thống Hội nghị truyền hình được triển khai từ cấp tỉnh đến cấp xã (đạt tỷ lệ 98%); tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức, viên chức đạt trên 95%; hơn 10.000 cán bộ, công chức, viên chức được tạo lập và cấp hộp thư điện tử, tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử cho công việc đạt tỷ lệ trên 75%... Các hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đã góp phần quan trọng vào việc cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp các cơ quan quản lý nhà nước nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân. Cơ sở dữ liệu một số ngành,

lĩnh vực được xây dựng, từng bước hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở phục vụ hoạt động xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số.

Mạng lưới bưu chính, viễn thông đã được đầu tư, phát triển rộng khắp đến các khu vực trên địa bàn tỉnh. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 2G, 3G, 4G và có điểm phục vụ bưu chính.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, chuyển đổi số được quan tâm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 03-CTr/TU, ngày 05 tháng 11 năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cho ý kiến đề Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030”; Kế hoạch số 2415/KH-UBND, ngày 03 tháng 12 năm 2020 về chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng Dự án đầu tư công trung hạn “Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số”...

Tồn tại, hạn chế: Tuy xếp hạng về chuyển đổi số của tỉnh năm 2020 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố đạt ở mức Khá (xếp thứ 19/63 tỉnh, thành phố), nhưng chưa đồng đều ở các lĩnh vực (Chính quyền số xếp thứ 17/63, Kinh tế số xếp thứ 33/63 và Xã hội số xếp thứ 18/63). Các kết quả về Chuyển đổi số chưa thật sự bền vững và vẫn còn nhiều tồn tại, khó khăn như: Khả năng sẵn sàng cho chuyển đổi số trong doanh nghiệp, người dân còn thấp; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu; hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo yêu cầu phát triển trong tình hình mới; cơ sở dữ liệu thiếu sự chia sẻ, chưa kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống thông tin; nguồn nhân lực, nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh chỉ mới hình thành bước đầu, chưa thực sự sẵn sàng cho lộ trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh theo định hướng của Chính phủ giai đoạn tới; thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistic, du lịch, tài nguyên và môi trường... trên địa bàn tỉnh chưa đạt như mong muốn.

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, tranh thủ cơ hội phát triển của công nghệ thông tin, đặc biệt là việc chuyển đổi số toàn diện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, phục vụ người dân và doanh nghiệp; trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu kép là “vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”; Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung cụ thể như sau:

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Phải nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của chuyển đổi số để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá chiến lược với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để tỉnh bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Bám sát mục tiêu chỉ đạo của Trung ương và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để thực hiện; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn và từng năm. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện chuyển đổi số. Chỉ đạo triển khai đồng bộ, sâu rộng đến các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân trong tỉnh.

- Chuyển đổi nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số, mỗi đơn vị, địa phương cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Nắm bắt cơ hội, triển khai nhanh, quyết liệt, tận dụng lợi thế sẵn có của địa phương và sự chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương để hành động, tạo sự chuyển biến rõ rệt từ nhận thức đến hiệu quả thực tiễn đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước.

- Chuyển đổi số là động lực tạo ra cơ hội, giá trị mới để thúc đẩy phát triển kinh tế. Chuyển đổi số lấy người dân làm trung tâm; xác định lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hằng ngày tới người dân và doanh nghiệp, mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí để ưu tiên thực hiện chuyển đổi số.

- Chuyển đổi số phải đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Nhà nước phải làm chủ hạ tầng và công nghệ số, không gian mạng và chú trọng việc góp phần bảo vệ chủ quyền số quốc gia. Chủ động thử nghiệm áp dụng các công nghệ số và mô hình mới trong phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với đặc điểm, điều kiện, cơ hội riêng của tỉnh.

- Chính quyền kiến tạo thể chế, chính sách đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, làm nền tảng cho việc chuyển đổi số. Nội dung chuyển đổi số phải được chỉ đạo, giám sát, đánh giá định kỳ.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước tiến tới xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường; xây dựng, hình thành

hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực đầy đủ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Phổ cập kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Nâng cao năng lực hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phát triển thành phố Pleiku theo định hướng trở thành đô thị thông minh gắn với việc chuyển đổi số, làm mô hình điểm để đánh giá, nhân rộng ra các địa phương khác của tỉnh.

- Từ năm 2025, chỉ số chuyển đổi số nằm trong nhóm các tỉnh khá của cả nước; góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân (SIPAS), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index). Phần đầu kinh tế số có đóng góp quan trọng vào GRDP của tỉnh. Cơ bản đạt các chỉ tiêu về Chính phủ số theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về *phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*.

** Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động*

- Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội:

+ 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

+ 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

+ Bảo đảm 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh.

+ Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

- Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội:

+ 100% cơ quan nhà nước thuộc tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

+ Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

+ Cổng dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

- Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước:

+ 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

+ 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

+ 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

+ 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội của cơ quan nhà nước được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

+ Các hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số; bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp... để cung cấp dịch vụ công kịp thời.

+ Tối thiểu 70% các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

+ Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% ủy ban nhân dân cấp xã; triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đến 100% cấp huyện và cấp xã.

- Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội:

+ Mỗi người dân có danh tính số kèm theo QRCode, tiến tới có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

+ Mỗi người dân đều có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

+ Tất cả người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Các trạm y tế, trung tâm y tế, bệnh viện công trên địa bàn tỉnh đều được triển khai hoạt động quản lý trên môi trường số, hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Các cơ sở khám, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám, chữa bệnh.

+ Học sinh, sinh viên học tập đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Các cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số và khuyến khích các mô hình đào tạo mới. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Xây dựng học liệu số, sách điện tử.

+ Triển khai hiệu quả các nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc; tạo thuận lợi, hỗ trợ người nông dân có khả năng tham gia truy cập, khai thác, sử dụng phục vụ sản xuất; giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

+ Người dân ở độ tuổi lao động đều có thể tiếp cận các thông tin về cơ hội việc làm và có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

+ Các tuyến giao thông đường bộ huyết mạch, có lưu lượng giao thông lớn đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử tại tất cả các trạm thu phí trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đẩy mạnh

triển khai việc sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ theo các hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

+ Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số, quy trình tự động hóa trong quản lý xuất, nhập cảnh, hàng hóa xuất, nhập khẩu từ khâu đầu đến khâu cuối để giảm thiểu thời gian, thủ tục liên quan.

+ Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

+ Số hóa các hoạt động quản lý và quảng bá về du lịch. Lĩnh vực di sản văn hóa được ứng dụng công nghệ số trong quản lý, hình thành các bản di sản số để khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số.

** Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

- Kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP của tỉnh.

- Góp phần tăng năng suất lao động hằng năm từ 5 - 10%.

- Phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

** Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số*

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%.

- Đẩy mạnh triển khai các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh phục vụ thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý.

2.2.2. Mục tiêu đến năm 2030

Đến năm 2030, tỉnh Gia Lai hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, bao gồm: Phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh.

** Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động*

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành các nền tảng dữ liệu mở phục vụ các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

** Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

- Đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh chiếm tỷ lệ tối thiểu 30%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 6 - 8%.

** Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số*

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của tỉnh về chuyển đổi số; thực hiện tốt Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 03-CTr/TU, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết này.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp,

các ngành; tích cực đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy sáng tạo phục vụ phát triển trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách; đẩy mạnh thanh toán điện tử tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

2. Xây dựng cơ chế, thể chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; phát triển và tận dụng các nguồn lực phục vụ chuyển đổi số

- Xây dựng cơ chế, chính sách về chuyển đổi số của tỉnh theo hướng toàn diện, hiệu quả, gắn với khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

- Quan tâm bố trí các nguồn tài chính nhà nước để thực hiện chuyển đổi số; tranh thủ các nguồn lực, sự hỗ trợ của Trung ương; ưu tiên vận động sự đóng góp của doanh nghiệp và người dân trong chuyển đổi số. Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và điều kiện về nguồn lực của tỉnh để thực hiện chuyển đổi số sâu rộng, hiệu quả, thiết thực.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số; chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao kỹ năng quản trị công nghệ hướng đến làm chủ các công nghệ mới, cụ thể đối với từng ngành, từng lĩnh vực, địa phương.

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có; xây dựng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ công nghệ thông tin để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

3. Xây dựng Chính quyền số

3.1. Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tại tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Triển khai nâng cấp Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính quyền số tại tỉnh theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với các nền tảng Chính phủ số theo mô hình do Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

3.2. Phát triển nền tảng, hệ thống

- Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

- Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng có thể là một bộ phận của Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

- Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3.3. Phát triển dữ liệu

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành trong tỉnh và với các bộ, ngành; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

- Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3.4. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số

- Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính quyền số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới; đồng thời, cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của tỉnh đã được xây dựng.

- Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị, như: Tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ Chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong tỉnh và với các bộ, ngành theo nhu cầu.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới, như: Điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số tại tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hóa, thông minh hóa, tối ưu hóa các quy trình xử lý công việc.

3.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

- Tham gia vào mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

3.6. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động hợp tác trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng.

- Lựa chọn, ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain). Ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại.

4. Phát triển Kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển Kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

- Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; trong đó, tập trung phát triển mạnh sản phẩm giao dịch điện tử, khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia, giao dịch, kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử.

- Hình thành, phát triển các chuỗi giá trị nông sản, du lịch, tiểu thủ công nghiệp trực tuyến, đảm bảo kết nối cung cầu thông qua khai thác, sử dụng các nền tảng số.

5. Phát triển Xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp số lớn trong

nước và quốc tế để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp, người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp, đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phổ biến, tuyên truyền các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân.

6. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

6.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và bền vững; chú trọng nông nghiệp thông minh; xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành, như: Về đất đai, quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp...

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

6.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Huy động nguồn lực, tập trung phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

6.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

- Thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế, phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân trong khám, chữa bệnh, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; sử dụng thanh toán điện tử,

hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; hình thành các bệnh viện thông minh; thử nghiệm triển khai sáng kiến “*Mỗi người dân có một bác sĩ riêng*” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.

- Xây dựng hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám, chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

6.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông, vận tải và logistics

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ là một trong ba khâu đột phá mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra; quan tâm phát triển hệ thống giao thông thông minh trong các hệ thống giao thông đô thị.

- Xây dựng, triển khai các hệ thống quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics.

6.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và năng lượng

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: Xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

- Ưu tiên tập trung chuyển đổi số cho công nghiệp năng lượng tái tạo như: Điện năng lượng mặt trời, điện gió, điện sinh khối hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

6.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Triển khai, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, như: Cơ sở dữ liệu đất đai, biến đổi khí hậu, môi trường kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, xây dựng bản đồ số của tỉnh... xử lý sự cố môi trường, cảnh báo thiên tai.

- Thúc đẩy chuyển đổi số hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường nhằm hỗ trợ công tác quản lý, bảo quản, lưu trữ toàn diện thông tin, dữ liệu số về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

6.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch

Triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số kết hợp công nghệ 3D, 4D để giới thiệu về điểm đến, các tour tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn

với nông, lâm nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

6.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Triển khai tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại; đẩy mạnh thanh toán điện tử trong các dịch vụ công; ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng, sáng tạo; đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngân hàng.

7. Nguồn lực thực hiện chuyển đổi số

- Huy động tổng thể các nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số; lồng ghép nguồn lực thực hiện từ các chương trình, đề án có liên quan; huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, tài trợ cho thực hiện chuyển đổi số. Nguồn lực nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, kích thích sự tham gia, đóng góp về nguồn lực của các doanh nghiệp, người dân.

- Kinh phí thực hiện chuyển đổi số bao gồm: Ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, xây dựng chính sách, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án phù hợp với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và nội dung của Nghị quyết này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên, thành viên của tổ chức mình; cụ thể hóa, xây dựng chương trình triển khai thực hiện phù hợp với tình hình, điều kiện của từng ngành, đơn vị, địa phương. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị quán triệt sâu sắc tầm quan trọng và lợi ích, cơ hội do chuyển đổi số mang lại và chịu trách nhiệm chủ trì, lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện tại đơn vị phụ trách.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo nghiên cứu, cụ thể hóa để triển khai thực hiện; thường xuyên tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông thường xuyên thông tin, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về Nghị quyết này.

4. Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức phát động phong trào toàn dân hưởng ứng, tham gia công cuộc chuyển đổi số; đồng thời, tăng cường vai trò giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai chương trình để thực hiện Nghị quyết này có hiệu quả; ưu tiên bố trí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc triển khai Nghị quyết này.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng + Vụ Địa phương II tại Thành phố Hồ Chí Minh (để báo cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Trung ương tại Đà Nẵng (để báo cáo),
- Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số (để báo cáo),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hồ Văn Niên